TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Qưới

Bà Lê Thị Bảy Nhỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang tạm trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H thành hôn vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/6/2002. Thời gian vợ chồng chung sống đến năm 2009 do anh H thường xuyên đánh đập chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/3/2002 hiện đang sống chung với anh H. Chị để anh H tiếp tục nuôi cháu N theo nguyện vọng của cháu, chị không phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu L đã trưởng thành hiện đã đi làm có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân. Về tài sản chung, nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn anh Nguyễn Văn H, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng anh H không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án và không tham gia các phiên hòa giải. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H không gởi văn bản trình bày ý kiến, tham gia các phiên hòa giải, phiên hợp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa là vi phạm quy định tại các điều 70,72.của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/3/2002 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn H thành hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/6/2002 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị T trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên đánh đập chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ năm 2009 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ chị T, anh H đoàn tụ nhưng anh H không tham gia các phiên hòa giải. Chứng tỏ, anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa chị Phan Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/3/2002.

[5] Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn: Tại phiên tòa chị T trình bày, năm 2009 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, để cháu L và cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống cháu vẫn đảm bảo. Cháu L hiện đã trưởng thành đã đi làm có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân. Còn cháu N có nguyện vọng tiếp tục sống với cha nên chị đồng ý để cho cháu N tiếp tục sống chung với anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh H đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2009 đến nay, hai con chung do anh H trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống cháu vẫn đảm bảo. Hiện cháu L đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cặp xem xét. Đối với cháu N hiện trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và

gia đình, giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/3/2002 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng anh H là người đang trực tiếp nuôi con, anh H không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T và bị đơn anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/3/2002 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Phan Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014470 ngày 16/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị T đã nộp đủ.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga